

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 166/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-09-2022.
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Tống Thị Điệp
2. Ông Đỗ Văn Dược

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20/9/2022 tại Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 490/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “Xin ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 161/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Châu Thị Quỳnh T – Sinh năm 1984

Địa chỉ: 21 thôn 14 (nay là thôn 13) xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P – Sinh năm 1990

Nơi cư trú cuối cùng: thôn 14 (nay là thôn 13) xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và trong quá trình làm việc nguyên đơn bà Châu Thị Quỳnh T trình bày: Bà Châu Thị Quỳnh T và ông Nguyễn Văn P tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/02/2010 tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến tháng 8 năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu

thuần thì ông Phúc bỏ nhà đi, không còn ở địa phương và cho đến nay không trở về địa phương. Gia đình đã liên lạc tìm kiếm nhưng không có kết quả.

Vào ngày 04/5/2022 Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã ra Quyết định giải quyết việc dân sự số 11/2022/QĐST-VDS tuyên bố ông Nguyễn Văn P mất tích.

Quá trình chung sống bà T và ông P có 01 con chung là cháu Nguyễn Châu Thảo N, sinh ngày: 11/7/2010. Hiện nay cháu đang ở với bà T nên bà T có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng và tài sản chung nợ chung bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay để thuận lợi cho công việc và cuộc sống bà T đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn P theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký chấp hành đúng quy định về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của bà Châu Thị Quỳnh T. Cho bà Thư được ly hôn với ông Nguyễn Văn P. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Châu Thảo N sinh ngày 11/7/2010 cho mẹ là bà Châu Thị Quỳnh T chăm sóc nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng và tài sản chung nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Châu Thị Quỳnh T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn P, địa chỉ hộ khẩu thường trú tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì đây là vụ án “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn bà Châu Thị Quỳnh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh sự có mặt của ông Nguyễn Văn P tại chính quyền địa phương nơi ông P cư trú thì chính quyền xác nhận, kể từ ngày Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột ra quyết định số 11/2022/QĐST-VDS ngày 04/5/2022 tuyên bố ông Nguyễn Văn P mất tích thì ông P vẫn không có mặt tại địa phương.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân

Bà Châu Thị Quỳnh T và ông Nguyễn Văn P tự nguyện tìm hiểu, đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 04/02/2010 tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Châu Thị Quỳnh T làm đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Văn P với nguyên nhân là do ông P đã bỏ đi khỏi địa phương nhiều năm, không có liên lạc với bà T, bà T không biết hiện nay ông đang ở đâu và làm gì, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông P.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2022/QĐST-VDS ngày 04/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tuyên bố ông Nguyễn Văn P mất tích. Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông P đã đến mức trầm trọng, ông P đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2016 cho tới nay, từ khi Tòa án ra quyết định tuyên bố mất tích thì vẫn không có tin tức gì của ông P. Do đó xét thấy thực tế quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông P không còn nữa nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Châu Thị Quỳnh T, cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Châu Thị Quỳnh T và ông Nguyễn Văn P có một con chung là cháu Nguyễn Châu Thảo N, sinh ngày: 11/7/2010, hiện nay cháu N đang ở với mẹ là bà T và quá trình giải quyết vụ án thì bà T cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung, hơn nữa cháu N cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu N cho bà T chăm sóc nuôi dưỡng là hợp lý. Bà T không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về tài sản và công nợ chung: Bà Châu Thị Quỳnh T không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Châu Thị Quỳnh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Châu Thị Quỳnh T

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Quỳnh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Châu Thảo N, sinh ngày 11/7/2010 cho mẹ là bà Châu Thị Quỳnh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Văn P được quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Châu Thị Quỳnh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Châu Thị Quỳnh T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà T đã nộp theo biên lai số AA/2021/0019617 ngày 08/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- UBND xã H, Tp.BMT;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Kim Cúc

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi Cục THADS Tp. BMT;
- Đương sự;
- UBND xã Ea Kao;
- Lưu hồ sơ tại tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Cúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày 20 tháng 9 năm 2022.

Tại: Phòng nghị án – Trụ sở tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Cúc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Dực và bà Tổng Thị Điệp

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 490/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, giữa:

Nguyên đơn bà Châu Thị Quỳnh T

Bị đơn ông Nguyễn Văn P

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật⁽⁸⁾.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144; Điều 147; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

2. Về nội dung

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Châu Thị Quỳnh T

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu Thị Quỳnh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn P

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Châu Thảo Nguyên, sinh ngày: 11/7/2010 cho mẹ là bà Châu Thị Quỳnh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Ông Nguyễn Văn P được quyền thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Châu Thị Quỳnh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét giải quyết.

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Châu Thị Quỳnh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm mà bà Thư đã nộp theo biên lai số AA/2021/0019617 ngày 08/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Biểu quyết 3/3=100% nhất trí

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 20 tháng 9 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Kim Cúc

